

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 – 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 52

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi (20) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 42 công ty con cấp bên dưới. Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; trồng cao su, mía đường và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Vũ Hữu Điền	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên trong Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Tôn	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Hải	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên trong Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Rõ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trà Văn Hàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sự.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

Số tham chiếu: 60752790/15504423

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 52 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

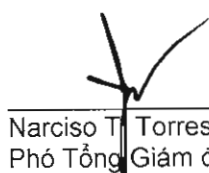
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra báo cáo chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ có các công ty con và các công ty liên kết và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của toàn Tập đoàn.



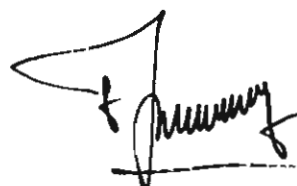
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Narciso T. Torres Jr.
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.0868/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2012



Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1588/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.207.294.547	8.741.555.671
110	I. Tiền		2.154.280.530	2.334.979.337
111	1. Tiền	4	2.154.280.530	2.334.979.337
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	94.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	94.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.255.466.684	5.711.886.572
131	1. Phải thu khách hàng	6	319.132.519	574.507.868
132	2. Trả trước cho người bán	7	225.181.154	57.813.127
135	3. Các khoản phải thu khác	8	6.711.761.161	5.079.565.577
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(608.150)	-
140	IV. Hàng tồn kho		613.759.483	535.549.034
141	1. Hàng tồn kho	9	613.759.483	535.549.034
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		102.004.610	64.357.488
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.156.852	3.240.538
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		35.433.887	25.857.923
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.000	4.595.173
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	62.410.871	30.663.854
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.882.268.417	9.127.446.153
220	I. Tài sản cố định		622.915.067	578.844.406
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	356.516.169	364.742.201
222	Nguyên giá		429.384.414	429.362.860
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(72.868.245)	(64.620.659)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	94.986.459	74.108.479
228	Nguyên giá		97.074.053	75.834.772
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.087.594)	(1.726.293)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	171.412.439	139.993.726
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		9.101.576.776	8.399.324.009
252	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	8.803.786.228	7.995.384.030
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	12.500.000	12.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	16	285.290.548	391.439.979
260	III. Tài sản dài hạn khác		157.776.574	149.277.738
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	156.377.513	147.664.638
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	931.501	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		467.560	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.089.562.964	17.869.001.824

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.832.801.929	8.655.890.720
310	I. Nợ ngắn hạn		3.810.408.197	3.305.595.618
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	719.830.344	901.589.215
312	2. Phải trả cho người bán	19	117.338.918	110.734.348
313	3. Người mua trả tiền trước	20	319.026.646	110.825.541
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	55.176.725	193.011.403
315	5. Phải trả công nhân viên		9.515.060	7.721.410
316	6. Chi phí phải trả	22	386.801.531	191.409.704
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	2.146.919.302	1.715.239.096
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		55.799.671	75.064.901
330	II. Nợ dài hạn		7.022.393.732	5.350.295.102
333	1. Phải trả dài hạn khác		898.271	910.241
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	7.015.310.360	5.343.966.520
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		6.185.101	5.418.341
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.256.761.035	9.213.111.104
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	9.256.761.035	9.213.111.104
411	1. Vốn cổ phần		5.373.710.490	4.672.805.900
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	2.880.972.568
417	3. Quỹ đầu tư, phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		222.169.900	219.861.914
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		771.285.340	1.430.847.985
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.089.562.964	17.869.001.824

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (US\$)	2.041.460	33.878
- EUR	294	-



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.180.445.444	298.398.388
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(157.877)	(162.641)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.180.287.567	298.235.747
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(1.062.740.179)	(247.678.879)
20	5. Lợi nhuận gộp		117.547.388	50.556.868
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	534.112.818	620.157.592
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(455.272.634)	(296.198.987)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(407.745.781)	(278.415.980)
24	8. Chi phí bán hàng		(29.200.852)	(26.846.270)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(39.668.548)	(48.691.292)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		127.518.172	298.977.911
31	11. Thu nhập khác	29	6.387.945	1.560.766
32	12. Chi phí khác	29	(44.946.408)	(10.301.444)
40	13. Lỗ khác	29	(38.558.463)	(8.740.678)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		88.959.709	290.237.233
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(43.731.484)	(74.523.731)
52	16. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	30.2	931.501	(2.576.081)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		46.159.726	213.137.421



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		88.959.709	290.237.233
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		10.671.877	11.328.150
03	Các khoản dự phòng		608.150	-
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		837.734	(25.120.800)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(529.022.066)	(595.036.792)
06	Chi phí lãi vay		407.745.781	278.415.980
08	Lỗi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(20.198.815)	(40.176.229)
09	Giảm các khoản phải thu		2.239.055	16.623.711
10	Tăng hàng tồn kho		(66.784.896)	(132.675.529)
11	Tăng các khoản phải trả		647.910.220	107.722.583
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(9.099.891)	15.148.221
13	Tiền lãi vay đã trả		(207.269.170)	(104.867.329)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(187.093.044)	(18.913.450)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.719.973)	(15.979.569)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		145.983.486	(173.117.591)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(98.691.261)	(39.896.263)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.574.254	48.153
23	Tiền chi cho vay		(1.362.921.823)	(593.343.400)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(950.179.651)	(1.787.724.265)
26	Tiền thu hồi bán lại các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		122.025.000	366.987.180
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		476.010.082	154.306.129
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.809.183.399)	(1.899.622.466)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận		3.122.944.574	2.722.368.321
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.640.443.468)	(1.223.511.955)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.482.501.106	1.498.856.366

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(180.698.807)	(573.883.691)
60	Tiền đầu kỳ		2.334.979.337	2.634.154.476
70	Tiền cuối kỳ	4	2.154.280.530	2.060.270.785



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi (20) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 42 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; trồng cao su, mía đường và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng*

Công ty là công ty mẹ của các công ty con và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 15 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Tài sản thuê

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.14 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*” (“CMKTVN 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Nghiệp vụ	Theo CMKTVN 10	Theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “ <i>Chênh lệch tỷ giá</i> ” trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các kỳ sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho các kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 là không trọng yếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Tiền gửi ngân hàng	2.152.836.487	2.333.633.832
Tiền mặt tại quỹ	1.389.763	1.345.505
Tiền đang chuyển	54.280	-
TỔNG CỘNG	<u>2.154.280.530</u>	<u>2.334.979.337</u>

Công ty đã thế chấp 100.000.000 ngàn VNĐ tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty (*Thuyết minh số 18*); 200.000.000 ngàn VNĐ tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai, công ty con, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Định và 150.000.000 ngàn VNĐ tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu, công ty con, tại Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chủ yếu thể hiện giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	204.925.922	489.400.794
Phải thu tiền bán căn hộ	87.472.327	72.309.300
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	26.734.270	12.797.774
TỔNG CỘNG	<u>319.132.519</u>	<u>574.507.868</u>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 198.736.659 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (*Thuyết minh số 31*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Trả trước cho nhà cung cấp máy móc và thiết bị	149.097.368	-
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	76.083.786	57.813.127
TỔNG CỘNG	225.181.154	57.813.127

Trả trước cho nhà cung cấp bao gồm các khoản phải trả trước cho các bên liên quan là 339.777 ngàn VNĐ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 (*Thuyết minh số 31*).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	5.855.181.421	4.408.140.284
Cho vay ngắn hạn các công ty	597.921.066	539.683.327
Phải thu công nhân viên	105.356.151	27.376.349
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	43.830.278	49.547.943
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	35.979.275	20.000.000
Các khoản khác	73.492.970	34.817.674
TỔNG CỘNG	6.711.761.161	5.079.565.577

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	426.251.900	412.289.483
Thành phẩm	20.969.281	6.538.167
Hàng hóa	82.809.090	51.223.069
Sản phẩm dở dang	61.749.107	52.270.103
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	51.874.118	37.771.974
<i>Sản xuất</i>	9.874.989	14.136.962
<i>Dịch vụ</i>	-	361.167
Nguyên vật liệu	428.456	221.368
Vật liệu xây dựng	19.455.952	12.133.614
Công cụ, dụng cụ	2.095.697	873.230
TỔNG CỘNG	613.759.483	535.549.034

Bao gồm trong chi phí của các căn hộ đang xây để bán, Dự án Bàu Thạc Gián đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 24*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngàn VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Tạm ứng cho nhân viên	61.322.057	27.835.605
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.038.694	2.778.129
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
TỔNG CỘNG	<u>62.410.871</u>	<u>30.663.854</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	308.727.949	42.503.595	62.904.183	5.837.398	6.698.345	2.691.390	429.362.860
Tăng trong kỳ	5.232.770	2.012.807	1.248.362	103.730	64.766	-	8.662.435
Giảm trong kỳ	(2.917.810)	(384.176)	(5.293.264)	(45.631)	-	-	(8.640.881)
Số dư cuối kỳ	311.042.909	44.132.226	58.859.281	5.895.497	6.763.111	2.691.390	429.384.414
Khấu hao lũy kế							
Số dư đầu kỳ	(32.868.166)	(11.432.675)	(15.069.624)	(2.801.418)	(1.084.995)	(1.363.781)	(64.620.659)
Tăng trong kỳ	(4.475.467)	(2.334.785)	(2.912.990)	(407.298)	(1.954)	(293.663)	(10.426.157)
Giảm trong kỳ	1.501.613	157.148	519.810	-	-	-	2.178.571
Số dư cuối kỳ	(35.842.020)	(13.610.312)	(17.462.804)	(3.208.716)	(1.086.949)	(1.657.444)	(72.868.245)
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	275.859.783	31.070.920	47.834.559	3.035.980	5.613.350	1.327.609	364.742.201
Số dư cuối kỳ	275.200.889	30.521.914	41.396.477	2.686.781	5.676.162	1.033.946	356.516.169

Trong đó:

Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các
khoản vay
(Thuyết minh số 18 và 24)

275.200.889 30.521.914 - - - 305.722.803

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	70.435.006	5.399.766	75.834.772
Tăng trong kỳ	21.209.641	29.640	21.239.281
Số dư cuối kỳ	<u>91.644.647</u>	<u>5.429.406</u>	<u>97.074.053</u>
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	(1.726.293)	(1.726.293)
Tăng trong kỳ	-	(361.301)	(361.301)
Số dư cuối kỳ	-	<u>(2.087.594)</u>	<u>(2.087.594)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	<u>70.435.006</u>	<u>3.673.473</u>	<u>74.108.479</u>
Số dư cuối kỳ	<u>91.644.647</u>	<u>3.341.812</u>	<u>94.986.459</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 18 và 24)</i>	91.644.647	-	91.644.647

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	109.868.633	61.431.326
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30.768.060	52.181.421
Chi phí trồng cây cao su	23.362.781	23.354.899
Các công trình xây dựng khác	7.412.965	3.026.080
TỔNG CỘNG	<u>171.412.439</u>	<u>139.993.726</u>

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 11.425.553 ngàn VNĐ (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 12.660.863 ngàn VNĐ). Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển tài sản cố định và các dự án căn hộ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2012		Ngày 31 tháng 12 năm 2011	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai		Trồng cây cao su	95,51	3.331.783.464	95,51	2.748.118.864
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh		Bất động sản	90,74	2.402.129.247	90,74	2.402.129.247
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai		Năng lượng	92,63	1.527.000.000	98,80	1.314.440.495
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai		Khai khoáng	99,78	1.241.736.052	99,98	1.244.225.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai		Sản xuất	88,60	100.986.248	88,60	100.986.248
<i>Các công ty con đang trong giai đoạn tái cấu trúc</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai		Bệnh viện	99,00	93.740.417	98,36	84.648.417
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai		CLB Bóng đá	51,00	59.000.000	51,00	53.424.959
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)		Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung		Xây dựng và kinh doanh	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai		Xây dựng	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
TỔNG CỘNG				8.803.786.228		7.995.384.030

Trước hoạt động thể hiện tình hình các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2012			Ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	750.000	25,00	7.500.000	750.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				12.500.000			12.500.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cho vay Chính phủ Lào (i)	186.596.994	292.746.425
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu (ii)	81.183.513	81.183.513
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
TỔNG CỘNG	285.290.548	391.439.979

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số nợ gốc đầu kỳ	14.055.426	14.833.070
Gõ nhận về trong kỳ	(96.477)	(777.644)
Được hoàn trả tiền trong kỳ	(5.000.000)	-
Số dư nợ gốc cuối kỳ	8.958.949	14.055.426
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	186.596.994	292.746.425

(ii) Dự án Hải Châu đã được thế chấp để vay ngân hàng (Thuyết minh số 24).

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ	147.664.638	27.445.338
Tăng trong kỳ	47.113.245	163.801.044
Chi phí phân bổ trong kỳ	(38.390.637)	(43.579.134)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	(9.733)	(2.610)
Số dư cuối kỳ	156.377.513	147.664.638

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Vay ngắn hạn ngân hàng	604.875.237	779.705.323
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	114.955.107	121.883.892
TỔNG CỘNG	719.830.344	901.589.215

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 4, 11, 12)
<i>Ngàn VNĐ</i>				
<i>Vietcombank, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 185/11/NHNT, 29/9/2011	379.843.417	6 tháng kể từ ngày giải ngân	Từ 15% đến 17%/năm	Máy móc thiết bị
Hợp đồng vay số 170/11/NHNT, 17/8/2011	30.031.820	8 tháng kể từ ngày giải ngân	17%/năm	Tín chấp
<i>BIDV, Hội Sở</i>				
Hợp đồng vay số 01/2012/HD, 21/2/2012	120.000.000	9 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 12 tháng + 3%/năm	Quyền sử dụng đất dự án khu dân cư Đông Nam, phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
<i>BIDV, chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng vay số 01/2012/HĐ/37086 3,13/6/2012	75.000.000	31 ngày kể từ ngày giải ngân	13%/ năm	Tiền gửi tiết kiệm 100 tỷ VNĐ và các khoản thu khác
TỔNG CỘNG	<u>604.875.237</u>			

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	116.728.918	97.678.700
Phải trả nhà thầu	610.000	13.055.648
TỔNG CỘNG	<u>117.338.918</u>	<u>110.734.348</u>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 3.466.457 ngàn VNĐ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Khách hàng trả trước tiền xây dựng	156.210.659	8.450.082
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	87.022.400	88.846.577
Khách hàng thương mại trả tiền trước	75.793.587	13.528.882
TỔNG CỘNG	<u>319.026.646</u>	<u>110.825.541</u>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 231.602.582 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (*Thuyết minh số 31*).

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30.1</i>)	32.435.006	190.509.238
Thuế nhà thầu	15.461.918	-
Thuế giá trị gia tăng	1.063.486	639.149
Thuế thu nhập cá nhân	821.466	1.706.363
Các khoản phải nộp khác	5.394.849	156.653
TỔNG CỘNG	<u>55.176.725</u>	<u>193.011.403</u>

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí lãi vay	380.538.010	175.719.709
Các khoản khác	6.263.521	15.689.995
TỔNG CỘNG	<u>386.801.531</u>	<u>191.409.704</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	2.129.054.999	1.704.271.729
Các khoản khác	17.864.303	10.967.367
TỔNG CỘNG	<u>2.146.919.302</u>	<u>1.715.239.096</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 24.1)	2.730.000.000	1.030.000.000
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi (Thuyết minh số 24.2)	2.230.000.000	2.230.000.000
Trái phiếu thường quốc tế (Thuyết minh số 24.3)	1.819.029.656	1.811.945.875
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.4)	351.235.811	393.904.537
TỔNG CỘNG	<u>7.130.265.467</u>	<u>5.465.850.412</u>
<i>Trong đó:</i>		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	114.955.107	121.883.892
Nợ dài hạn	7.015.310.360	5.343.966.520

24.1 Trái phiếu thường trong nước

Trái phiếu thường bao gồm các khoản trái phiếu trị giá 530 tỷ VNĐ, 500 tỷ VNĐ, và 1.700 tỷ VNĐ được phát hành bởi Công ty như sau:

Ngày 8 tháng 10 năm 2010, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu thường trị giá 530 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 8 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu này chịu lãi suất 15,2%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi tương đương lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng trong nước cộng 4,2%/năm cho những kỳ sau. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án bất động sản đang triển khai của các công ty con. Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 33,75 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ngày 28 tháng 12 năm 2011, Công ty phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 500 tỷ đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng). Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2011 với lãi suất là 18% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai và cộng với biên độ 4%/năm. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án của Công ty bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; trồng mới và chăm sóc 9.950 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào; xây dựng nhà máy đường với công suất 7.000 tấn mía/ngày, nhà máy nhiệt điện với công suất 30 MW và nhà máy sản xuất ethanol và phân vi sinh và xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Kông 2 với công suất 66MW. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con tại tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã công bố phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.500 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do công ty TNHH Chứng khoán ACB thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm. Cho đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín, Công ty TNHH chứng khoán ACB và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam căn cứ theo các hợp đồng ngày 26/04/2012, hợp đồng số 01/HĐMBTP.12 ngày 14/05/2012 và hợp đồng số 1506/2012/HĐ/EIB-HAGL ngày 18/06/2012 với số tiền thu được lần lượt là 450 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này tới thời điểm 20 tháng 7 năm 2012 là 1.700 tỷ VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh tại tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào; dự án thủy điện Đăk Srông 3A, công suất 10,2MW, tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam; dự án thủy điện Nậm Kông 2, công suất 66MW, tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu, Lào và tái cấu trúc nợ vay của Công ty. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 72,7 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

24.2 Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd, một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 triệu VNĐ/đơn vị. Trái phiếu có kỳ hạn là 1 năm và sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm thời hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi 4 ngân hàng trong nước (Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty và Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến Hạn: Ngày đến hạn ban đầu là ngày 31 tháng 8 năm 2011 được điều chỉnh thành ngày 31 tháng 8 năm 2013 với quyền gia hạn thêm 1 hoặc 2 năm theo sự lựa chọn của chủ sở hữu Trái Phiếu với cùng điều khoản và điều kiện.
- ▶ Giá Chuyển Đổi: 44.917 VNĐ/một cổ phần là giá chuyển đổi ban đầu (67.375 VNĐ/một cổ phần) được điều chỉnh xuống tương ứng với đợt phát hành cổ phiếu thường (ngày 21 tháng 1 năm 2011) với tỷ lệ 2:1) và phụ thuộc vào Điều Khoản Chống Pha Loãng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi (tiếp theo)

- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng 3%/năm; được thanh toán hàng năm. “Lãi Suất Tiền Gửi” có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thuật Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 3 năm 2013 cho đến Ngày Đến Hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VNĐ.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = 5% x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái).

“**Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái**” có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu (“**Ngày Phát Hành**”) đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = 5% x (1+y)ⁿ

Trong đó “y” có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%. “n” có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Phát Hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Phát Hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Phát Hành.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường quốc tế

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng số mệnh giá gốc là 90 triệu Đô la Mỹ theo mệnh giá là 100.000 Đô la Mỹ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá lần lượt là 18 triệu Đô la Mỹ vào ngày 20 tháng 5 năm 2014, 18 triệu Đô la Mỹ tiếp theo vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 và hoàn trả phần còn lại vào ngày 20 tháng 5 năm 2016. Đây là trái phiếu chiết khấu với giá 96,181% và chịu lãi suất 9,875%/năm và tiền lãi trái phiếu được thanh toán vào các ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 hàng năm. Tiền thu được từ các trái phiếu này được sử dụng đầu tư vào các dự án thủy điện, trồng cao su và phục vụ hoạt động của Tập đoàn.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, các trái phiếu này được thế chấp bằng vốn cổ phần của các bên bảo lãnh gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung do Công ty nắm giữ. Chỉ số đảm bảo Lợi nhuận trước thuế, lãi vay, khấu hao và khấu trừ (EBITDA)/Tổng lãi vay của Tập đoàn đã xuống dưới mức 3,5 như yêu cầu trong điều khoản trái phiếu thường quốc tế. Tuy nhiên, theo các điều khoản yêu cầu đảm bảo khoản trái phiếu thường quốc tế sửa đổi ngày 24 tháng 7 năm 2012, yêu cầu này đã được dỡ bỏ. Thêm vào đó, các trái phiếu này chỉ còn được thế chấp bằng vốn cổ phần của một bên bảo lãnh duy nhất là Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai (Thuyết minh số 36).

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	263.324.425	275.673.900
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	51.497.812	60.197.812
Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Vietinbank")	18.500.000	22.500.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	17.913.574	35.532.825
TỔNG CỘNG	351.235.811	393.904.537

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng	Ngân VNĐ			
Hợp đồng tín dụng số 10270, 28/5/2009	192.365.342	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng; đất tại Bàu Thạc Gián, phường Thạc Gián, Đà Nẵng; đất tại phường Hào Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065, 10/11/2009	38.693.750	Hoàn trả trong vòng 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1,53%/tháng	Đất tại Phần Lãng, An Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 7683, 06/8/2007	29.531.250	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán hàng quý làm 32 lần, lần đầu vào 12/2009	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng, điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại Nguyễn Văn Linh, Hải Châu, Đà Nẵng
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai	2.734.083	Hoàn trả trong vòng 36 tháng, lần thanh toán đầu tiên vào 27/09/2009	1,58%/tháng	Toàn bộ xe được tài trợ bởi khoản vay
TỔNG CỘNG SACOMBANK	263.324.425			
Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai	47.897.812	120 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án Đà Nẵng Plaza
Hợp đồng tín dụng số 140/05A/NHNT, 27/6/2006	3.600.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	14,5%/năm và thay đổi theo lãi suất của Vietcombank	Máy móc thiết bị
Hợp đồng tín dụng số 125/10/NHNT, 25/2/2010				
TỔNG CỘNG VIETCOMBANK	51.497.812			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)					
24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)	Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2012 Ngàn VNĐ	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
	Vietinbank, Chi nhánh Gia Lai	18.500.000	96 tháng, thanh toán làm 32 lần, hàng quý, lần thanh toán đầu tiên vào 25/03/2007	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm và điều chỉnh 2 lần mỗi năm (vào ngày 1 tháng 2 và 1 tháng 8 hàng năm)	Toàn bộ tài sản của khu nghỉ dưỡng Hoàng Anh Đà Lạt được tài trợ bởi khoản vay này
	BIDV, Chi nhánh Gia Lai	11.170.501	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn 18 tháng và thời gian trả nợ 42 tháng	150% lãi suất cơ bản và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng	Tòa nhà hội sở chính HAGL tại Gia Lai
	Hợp đồng tín dụng số 01/2004/HD, 25/8/2004	6.743.073	Hoàn trả trong vòng 108 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm thời gian ân hạn 24 tháng và thời gian trả nợ 84 tháng	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 2,4%/năm, được điều chỉnh vào ngày 1 tháng 2 và 1 tháng 8 hàng năm	Toàn bộ tài sản của khách sạn HAGL
	TỔNG CỘNG BIDV	17.913.574			

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để xây dựng và phát triển các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ và mua sắm máy móc và thiết bị.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.115.206.970	3.504.012.140	8.622.737	210.865.390	2.187.510.833	9.026.218.070
Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	(934.559.358)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.388.296	213.137.421	213.137.421
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(18.776.594)	(9.388.298)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	220.253.686	1.442.024.802	9.224.679.693
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2012	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	219.861.914	1.430.847.985	9.213.111.104
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	700.904.590	-	-	-	(700.904.590)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.307.986	46.159.726	46.159.726
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(3.692.781)	(1.384.795)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(1.125.000)	(1.125.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	222.169.900	771.285.340	9.256.761.035

Ngày 11 tháng 5 năm 2012, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu cũ được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu để chia cổ tức được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2011. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và giảm lợi nhuận chưa phân phối 700.904.590 ngàn VNĐ. Ngày 11 tháng 5 năm 2012, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi (20) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 5.373.710.490 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	537.371.049	467.280.590
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	537.371.049	467.280.590
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	537.371.049	467.280.590
Cổ phiếu đang lưu hành	537.371.049	467.280.590
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	537.371.049	467.280.590

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngàn VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Doanh thu gộp	1.180.445.444	298.398.388
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	975.687.262	179.301.205
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	119.162.050	60.683.078
<i>Doanh thu căn hộ</i>	47.670.660	9.505.521
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	37.925.472	48.908.584
Các khoản giảm trừ		
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(157.877)	(162.641)
Doanh thu thuần	1.180.287.567	298.235.747
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	975.687.262	179.301.205
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	119.162.050	60.683.078
<i>Doanh thu căn hộ</i>	47.670.660	9.505.521
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	37.767.595	48.745.943

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Lãi cho vay	415.943.364	116.039.749
Lãi tiền gửi	96.231.128	119.084.043
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	17.187.565	359.433.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.759.161	25.120.800
Cổ tức nhận được	1.991.600	480.000
TỔNG CỘNG	<u>534.112.818</u>	<u>620.157.592</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Giá vốn hàng hóa	884.166.337	150.730.708
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	114.567.577	56.119.261
Giá vốn căn hộ	37.358.305	7.422.116
Giá vốn dịch vụ cung cấp	26.647.960	33.406.794
TỔNG CỘNG	<u>1.062.740.179</u>	<u>247.678.879</u>

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Chi phí lãi vay	407.745.781	278.415.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.158.631	272.568
Các khoản khác	43.368.222	17.510.439
TỔNG CỘNG	<u>455.272.634</u>	<u>296.198.987</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Thu nhập khác	6.387.945	1.560.766
Doanh thu chuyển giao tài sản, máy móc trong Tập đoàn	8.604.649	6.203.907
Giá vốn tài sản, máy móc chuyển giao trong Tập đoàn	(8.604.649)	(6.203.907)
Tiền thu thanh lý tài sản	4.574.254	48.153
Tiền thu bán phế liệu	-	80.000
Các khoản khác	1.813.691	1.432.613
Chi phí khác	(44.946.408)	(10.301.444)
Tiền phạt thuế	(34.285.986)	(7.629.015)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(6.416.897)	-
Các khoản khác	(4.243.525)	(2.672.429)
Lỗ thuần	(38.558.463)	(8.740.678)

Nhằm tập trung hoá trong quy trình mua sắm tài sản, trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã mua tài sản trị giá 8.604.649 ngàn đồng và chuyển giao tới các công ty con trong Tập đoàn (6 tháng đầu năm 2011: 6.203.907 ngàn đồng).

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011</i>
Thuế TNDN hiện hành	34.006.045	65.610.281
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	9.725.439	8.913.450
	43.731.484	74.523.731
(Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(931.501)	2.576.081
TỔNG CỘNG	42.799.983	77.099.812

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Lợi nhuận trước thuế	88.959.709	290.237.233
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các chi phí không được khấu trừ	45.330.065	7.629.015
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.726.005	-
Chi phí trích trước	-	20.509.005
Thu nhập cổ tức	(1.991.600)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(25.120.800)
Chi phí trích trước kỳ trước đã trả kỳ này	-	(30.813.328)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	136.024.179	262.441.125
Chi phí thuế TNDN ước tính	34.006.045	65.610.281
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các kỳ trước	9.725.439	8.913.450
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	43.731.484	74.523.731
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	190.509.238	179.489.201
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(187.093.044)	(18.913.450)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(14.712.672)	(4.596.402)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ <i>(Thuyết minh số 21)</i>	32.435.006	230.503.080

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</i>	
	<i>kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng</i> <i>6 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng</i> <i>12 năm 2011</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>6 tháng kết</i> <i>thúc ngày 30</i> <i>tháng 6</i> <i>năm 2012</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>6 tháng kết</i> <i>thúc ngày 30</i> <i>tháng 6</i> <i>năm 2011</i>
Tài sản thuế TNDN				
hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	931.501	-	931.501	-
Chi phí trích trước	-	-	-	(2.576.081)
TỔNG CỘNG	931.501	-	931.501	(2.576.081)

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Lãi cho vay	9.626.860 11.586.328
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Lãi cho vay	10.136.861 3.827.460
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Lãi cho vay	6.242.941 4.662.000
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Lãi cho vay	50.161.042 3.520.353
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Chuyển nhượng tài sản	193.353.838 556.310.215
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	6.774.152
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	159.783.101
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	5.422.928

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	21.076.521
Công ty Cổ phần Thủy Điện HA Tona	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.619.986
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	10.088.477
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.626.993
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	9.027.469
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	8.869.047
Công ty TNHH CRD	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	6.605.886
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	21.553.472
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ quảng cáo	6.500.000
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Xây dựng	21.728.881
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Xây dựng	4.420.130
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng	16.708.780
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	3.918.048
Công ty Cổ Phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	12.382.609
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	14.649.026
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	289.822.778
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	21.203.150

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	111.395.561
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	39.778.412
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	6.097.519
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	5.477.884
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.295.615
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	8.869.047
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.974.631
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.444.953
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.080.217
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Hợp đồng xây dựng	4.173.740
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.149.080
TỔNG CỘNG			<u>198.736.659</u>
<i>Trả trước cho người bán</i>			
Công ty Cổ phần Xấp lấp An Phú	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	77.790
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	261.987
TỔNG CỘNG			<u>339.777</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	3.922.403.609
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	165.649.026
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	2.500.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	195.848.940
Công ty Cổ Phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	231.950.306
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	44.118.755
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Chi hộ chi phí	4.700.592
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ chi phí	45.437.463
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	100.822.222
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	615.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	40.414.808

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngân VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
<i>Phải thu khác</i> (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	291.783.833
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	17.463.884
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	172.050.983
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty con	Phải thu cổ tức	2.972.755
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.064.245
TỔNG CỘNG			<u>5.855.181.421</u>
<i>Phải trả nhà cung cấp</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Công ty con	Mua hàng hóa	2.539.028
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	927.429
TỔNG CỘNG			<u>3.466.457</u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>			
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	144.279.616
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	61.680.612
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	15.428.354
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Thanh Hóa	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	10.014.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	200.000
TỔNG CỘNG			<u>231.602.582</u>
<i>Các khoản phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	272.781.097
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua máy móc thiết bị	122.081.001
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần	772.887.324

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Các khoản phải trả khác (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Viên Chăn	Công ty con	Vay mượn tạm	6.093.450
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	645.347.296
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	146.877.500
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	158.555.212
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>623.753</u>
TỔNG CỘNG			<u>2.129.054.999</u>

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký:

		Ngàn VNĐ	
		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Thù lao trong kỳ		<u>1.125.000</u>	<u>5.287.500</u>

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn và trồng cây công nghiệp lâu năm. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

		Ngàn VNĐ	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Dưới 1 năm		893.350	893.350
Từ 1 đến 5 năm		3.573.399	3.573.399
Trên 5 năm		<u>33.769.922</u>	<u>34.215.373</u>
TỔNG CỘNG		<u>38.236.671</u>	<u>38.682.122</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động đầu tư.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Công ty có khả năng gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất (tiếp theo)

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ngàn VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012		
VNĐ	+300	(17.303.569)
VNĐ	-300	17.303.569
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011		
VNĐ	+300	(5.657.917)
VNĐ	-300	5.657.917

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động thấp hơn đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

	<i>Thay đổi tỷ giá USD (%)</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế Ngàn VNĐ</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012		
	+1	(12.572.007)
	- 1	12.572.007
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011		
	+1	2.221.837
	- 1	(2.221.837)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro về bất động sản

Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có cho các công ty con trong cùng Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Phúc và Chính phủ Lào vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	719.830.344	4.785.310.360	5.505.140.704
Trái phiếu chuyển đổi	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Phải trả người bán	117.338.918	-	117.338.918
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.533.720.833	-	2.533.720.833
	3.370.890.095	7.015.310.360	10.386.200.455
Ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Các khoản vay và nợ	901.589.215	3.113.966.520	4.015.555.735
Trái phiếu chuyển đổi	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Phải trả người bán	110.734.348	-	110.734.348
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.906.648.800	-	1.906.648.800
	2.918.972.363	5.343.966.520	8.262.938.883

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình cho các khoản vay và trái phiếu phát hành (*Thuyết minh số 18 và 24*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày)

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	186.596.994	292.746.425	186.596.994	292.746.425	
Các khoản cho vay và phải thu					
<i>Phải thu khách hàng</i>	318.524.369	574.507.868	318.524.369	574.507.868	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.855.181.421	4.408.140.284	5.855.181.421	4.408.140.284	
<i>Các khoản phải thu khác</i>	856.579.740	671.425.293	856.579.740	671.425.293	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>	81.783.240	94.783.240	81.783.240	94.783.240	
<i>Đầu tư dài hạn</i>	98.693.554	98.693.554	98.693.554	98.693.554	
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	2.154.280.530	2.334.979.337	2.154.280.530	2.334.979.337	
TỔNG CỘNG	9.551.639.848	8.475.276.001	9.551.639.848	8.475.276.001	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.					
- <i>Vay và nợ</i>	7.735.140.704	6.245.555.735	7.735.140.704	6.245.555.735	
- <i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.129.054.999	1.704.271.729	2.129.054.999	1.704.271.729	
- <i>Phải trả người bán</i>	117.338.918	110.734.348	117.338.918	110.734.348	
- <i>Phải trả khác</i>	404.665.834	202.377.071	404.665.834	202.377.071	
TỔNG CỘNG	10.386.200.455	8.262.938.883	10.386.200.455	8.262.938.883	

Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 5 tháng 7 năm 2012 và 13 tháng 7 năm 2012. Công ty đã lần lượt mua lại 6,2 triệu đô la Mỹ và 8,8 triệu đô la Mỹ trái phiếu quốc tế trong tổng số 90 triệu đô la Mỹ mà Công ty đã phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2011 với giá bằng 97% mệnh giá trái phiếu. Ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty đã tiến hành hủy niêm yết các trái phiếu quốc tế còn lại để tiết kiệm chi phí do số lượng trái chủ không nhiều và có ít giao dịch mua bán.

Theo các điều khoản yêu cầu đảm bảo khoản trái phiếu thường quốc tế sửa đổi ngày 24 tháng 7 năm 2012, yêu cầu về việc duy trì chỉ số đảm bảo Lợi nhuận trước thuế, lãi vay, khấu hao và khấu trừ (EBITDA)/Tổng lãi vay của Tập đoàn ở mức tối thiểu 3,5 đã được dỡ bỏ. Thêm vào đó, các trái phiếu này chỉ còn được thế chấp bằng vốn cổ phần của một bên bảo lãnh duy nhất là Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2012, Công ty đã phát hành đợt trái phiếu thường trị giá 850 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ được hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 17 tháng 8 năm 2015. Trái phiếu này chịu lãi suất 16%/năm cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai gồm: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tỉnh Gia Lai và Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tỉnh Gia Lai tại mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất cộng (+) biên độ 5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8. Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2012